

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ MGAR
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ
HUYỆN CƯ MGAR**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK LẮK - 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ MGAR
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ
HUYỆN CƯ MGAR

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Hữu Công	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Công Long	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Ngọc Sơn	Giáo viên	Thư ký	
4	Hồ Công Mậu	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên	
5	Chu Văn Vệ	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên	
6	Phan Thị Minh Lệ	Giáo viên	Ủy viên	
7	Phan Thị Lâm	Giáo viên	Ủy viên	
8	Bùi Thị Hương	Nhân viên	Ủy viên	
9	Lê Thị Tình	Nhân viên	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	6
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	9
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
A. ĐẠT VẤN ĐỀ	17
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	18
Tiêu chuẩn 1	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1	18
Tiêu chí 1.2	20
Tiêu chí 1.3	21
Tiêu chí 1.4	23
Tiêu chí 1.5	25
Tiêu chí 1.6	26
Tiêu chí 1.7	27
Tiêu chí 1.8	29
Tiêu chí 1.9	29
Tiêu chí 1.10	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	34
Tiêu chuẩn 2	35
Mở đầu	34
Tiêu chí 2.1	34

Tiêu chí 2.2	36
Tiêu chí 2.3	38
Tiêu chí 2.4	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	41
Tiêu chuẩn 3	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1	43
Tiêu chí 3.2	44
Tiêu chí 3.3	46
Tiêu chí 3.4	47
Tiêu chí 3.5	48
Tiêu chí 3.6	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	52
Tiêu chuẩn 4	34
Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1	53
Tiêu chí 4.2	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	55
Tiêu chuẩn 5	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 5.1	56
Tiêu chí 5.2	57
Tiêu chí 5.3	59
Tiêu chí 5.4	60
Tiêu chí 5.5	61

Tiêu chí 5.6	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	64
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	64
Phần IV. PHỤ LỤC	Error! Bookm ark not defined.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	BGH	Ban giám hiệu
3	CB-GV-NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
4	CMHS	Cha mẹ học sinh
5	CNVC	Công nhân viên chức
6	CSVC	Cơ sở vật chất

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓

Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ M'GAR

Tên trước đây (nếu có): Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Cư M'gar

Cơ quan chủ quản: Ủy Ban Nhân Dân Huyện Cư M'gar

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK LẮK	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Hữu Công
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Cư M'gar	Điện thoại	0500.3534.187
Xã / phường/thị trấn	Thị Trấn Quảng Phú	Fax	
Đạt CQG	Đạt mức 1	Website	http://ptdntn.pgddtcumgar.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1993	Số điểm trường	0
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt	√	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 6	1	1	1	1	1
Khối lớp 7	1	1	1	1	1
Khối lớp 8	1	1	1	1	1
Khối lớp 9	1	1	1	1	1
Cộng	4	4	4	4	4

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	5	5	5	5	5	
1	Phòng học	5	5	5	5	5	
a	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

3	Khối phục vụ học tập	4	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	5	5	5	5	5	
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	3	3	3	3	3	

	Cộng	18	18	18	18	18	
--	------	----	----	----	----	----	--

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Giáo viên	10	4	0	0	10	0	
Nhân viên	11	9	1	0	11	0	
Cộng	23	12	1	0	23	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	158	159	157	160	158	
	- Nữ	118	115	109	109	109	
	- Dân tộc	157	159	157	160	158	
	- Khối lớp 6	40	40	40	40	40	
	- Khối lớp 7	40	40	40	40	40	
	- Khối lớp 8	40	39	40	40	39	
	- Khối lớp 9	38	40	37	40	39	
2	Tổng số tuyển mới	40	40	40	40	40	

3	Học 2 buổi/ngà y	158	159	157	160	158	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	158	159	157	160	158	
6	Bình quân số học sinh/lớp	39.5	39.75	39.25	40	39.5	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số	100	100	100	100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ti nh (nếu có)	0	13	30	7	9	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đội trọng chính sách	158	159	157	160	158	
	- Nữ	118	115	109	109	109	
	- Dân tộc thiểu số	158	159	157	160	158	

11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	- Tổng số học sinh	158	159	157	160	158	
	- Nữ	118	115	109	109	109	
	- Dân tộc	157	159	157	160	158	
	- Khối lớp 6	40	40	40	40	40	
	- Khối lớp 7	40	40	40	40	40	
	- Khối lớp 8	40	39	40	40	39	
	- Khối lớp 9	38	40	37	40	39	
2	Tổng số tuyển mới	40	40	40	40	40	
3	Học 2 buổi/ngày	158	159	157	160	158	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	158	159	157	160	158	
6	Bình quân số học sinh/lớp	39.5	39.75	39.25	40	39.5	

7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số	100	100	100	100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	13	30	7	9	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	158	159	157	160	158	
	- Nữ	118	115	109	109	109	
	- Dân tộc thiểu số	158	159	157	160	158	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	13,3	11,3	10,8	10	13,9	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	67,7	68,6	66,9	75,6	89,2	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	87,3	91,2	96,2	95,0	96,2	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	12,7	8,8	3,8	5,0	3,8	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Huyện Cư M'gar có diện tích tự nhiên là 824,43 km², có 15 xã, 02 thị trấn, với 189 thôn, buôn, tổ dân phố. Dân số toàn Huyện trên 170.000 người, trong đó đồng bào dân tộc kinh chiếm 54%, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm khoảng 36%, dân tộc thiểu số khác chiếm 10%. Hiện nay, toàn huyện có 89 trường học từ mầm non đến bậc THPT. Huyện có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên và 17 trung tâm học tập cộng đồng; 100% xã, thị trấn đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS; toàn huyện có 29 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 32,2%, trong đó có trường phổ thông dân tộc nội trú.

Trường phổ thông dân tộc nội trú Cư M'gar được thành lập vào năm 1993 theo Quyết định số 82/TCCB ngày 10 tháng 11 năm 1993 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk, là một trường chuyên biệt được Nhà nước thành lập nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số và con em các dân tộc trên địa bàn huyện Cư M'gar.

Nhà trường được Đảng, Nhà nước và Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm, ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị và ngân sách đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường được lựa chọn, bố trí để đảm bảo việc nuôi, dạy học sinh, nhìn chung có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương đối vững vàng, đủ khả năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ

Đội ngũ học sinh của nhà trường hàng năm được tuyển chọn nên nhìn chung đa số các em có ý thức chăm chỉ rèn luyện và học tập, các em được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

Năm học 2021-2022, trường có 4 khối lớp với 158 học sinh là học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên có 23 người. Trong đó: CBQL: 02; giáo viên: 10; nhân viên: 11.

Trường có Chi bộ với 13 đảng viên; tổ chức Công đoàn với 23 đoàn viên và người lao động; Chi đoàn thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh và Liên đội thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh.

1. Mục đích tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá nhà trường dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá theo đánh giá theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học để xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất, từ đó thực hiện các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường và để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Từ việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định trường trung học đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng,

duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường trung học; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Từ năm học 2012-2013, nhà trường đã xây dựng và thông qua kế hoạch tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường, xác định mục đích, phạm vi, yêu cầu và lộ trình hoàn thành quá trình tự đánh giá, hoàn thiện hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài. Nội dung kế hoạch của nhà trường bao gồm: tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ tự đánh giá; thành lập hội đồng tự đánh giá; thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng; đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ GDĐT. Nhà trường có tương đối đủ số lượng CBQL, các tổ chức đoàn thể như Đảng Cộng sản Việt Nam, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Công đoàn... Tất cả đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học và luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và sự chỉ đạo của phòng GDĐT.

Nhà trường có tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng và phát triển, có môi trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, thân thiện. Trong từng năm học, nhà trường đều có đầy đủ các tổ chức, có sự quản lý và thực hiện các hoạt động hiệu quả, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nhà trường phát triển bền vững. Nhà trường xây dựng “Kế hoạch chiến lược phát triển GDĐT giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến năm 2025, kế hoạch chiến lược phát triển GDĐT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030”, phù hợp với mục tiêu giáo dục của bậc THCS để định hướng cho công tác giáo dục trong 5 năm và những năm tiếp theo nhằm đưa công tác giáo dục toàn diện từng bước phát triển, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới, giữ vững thành quả chất lượng giáo dục của nhà trường, xứng đáng với lòng tin cậy của học sinh và nhân dân các dân tộc ở địa phương.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng tự đánh giá của cơ sở giáo dục trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar xin báo cáo kết quả tự đánh giá của 10 tiêu chí trong tiêu chuẩn 1 với các nội dung cụ thể như sau:

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. **[H1-1.1-01].**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản do các cấp có thẩm quyền phê duyệt. **[H1-1.1-05].**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường, đã được đưa tin trên các phương tiện truyền thông, trang web riêng của đơn vị. **[1.1-02]; [H1-1.1-04].**

Mức 2:

Nhà trường đã giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được thể hiện qua báo cáo tổng kết hằng năm và văn bản của cấp có thẩm quyền trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển. **[H1-1.1-06] ; [H1-1.1-07].**

Mức 3:

Nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với tình hình thực tế. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự phê duyệt của Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, ban đại diện cha mẹ học sinh. **[H1-1.1-05]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-09].**

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng khá phù hợp với mục tiêu giáo dục bậc THCS được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát

triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa thật kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục với tính chất đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú THCS, theo thông tư Số: 01/2016/TT-BGDĐT, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Thực hiện tốt công tác công khai niêm yết để tất cả viên chức và người lao động biết và thực hiện. Nhà trường có các giải pháp hiệu quả trong giám sát, kiểm tra; thực hiện rà soát nội dung chiến lược để bổ sung, điều chỉnh phù hợp phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã có quyết định thành lập Hội đồng trường theo *Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT về Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học* và theo Điều 10 điều lệ trường trung học kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn. **[H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].**

Hội đồng trường và các hội đồng khác (hội đồng tư vấn, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật) trong trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, được thể hiện trong nghị quyết của hội đồng trường, kế hoạch hoạt động, biên bản sinh hoạt của các hội đồng, báo cáo tổng kết của nhà trường. **[H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].**

Các hoạt động của hội đồng trường được định kỳ rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm trong các cuộc họp Chi bộ và Hội đồng sư phạm nhà trường. **[H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-04]; [H1-1.1-07].**

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao CLGD học sinh của nhà trường được thể hiện qua báo cáo tổng kết và hồ sơ thi đua cuối năm học. [H1-1.1-07]; [H1-1.2-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng như: Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, Hội đồng kỷ luật (khi có sự việc xảy ra phải xử lý), Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng. Các hội đồng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Các Hội đồng đã tổ chức thực hiện rà soát đánh giá các hoạt động nhằm nâng cao CLGD của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số nội dung hoạt động của các hội đồng chưa được thể hiện cụ thể qua các biên bản sinh hoạt dẫn đến kết quả hoạt động chưa đáp ứng đạt một số mục tiêu đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hội đồng trường và các hội đồng tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của mình. Trong những năm tới, nhà trường sắp xếp, bố trí công việc hợp lý để tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn... có thời gian tham gia hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ đạt hiệu quả cao hơn, góp phần thúc đẩy nhà trường phát triển bền vững hơn.

Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong các hội đồng của nhà trường tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát góp phần thúc đẩy các thầy, cô trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bồi dưỡng kỹ năng viết biên bản và viết báo cáo cho Thư ký các Hội đồng nhằm đánh giá và thể hiện đầy đủ các hoạt động của các Hội đồng nhằm nâng cao hơn nữa CLGD nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Công đoàn, Ban chấp hành công đoàn gồm 03 thành viên, theo Quyết định số 52/QĐ-CDGD, ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Công đoàn ngành Giáo dục huyện Cư M'gar; TP HCM với 158 đội viên. [H2-1.3-01]; [H2-1.3-02].

Các tổ chức trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, thể hiện qua nghị quyết, kế hoạch hoạt động, biên bản kèm theo. [H2-1.3-07].

Hằng năm, các hoạt động của các tổ chức trong nhà trường được rà soát, đánh giá thông qua các cuộc họp Chi bộ và Hội đồng sư phạm nhà trường, báo cáo sơ kết và tổng kết trong nhà trường. [H1-1.1-06].

Mức 2:

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, trực thuộc Huyện ủy Cư M'gar. Chi bộ có 13 Đảng viên, cấp ủy chi bộ có 03 người, gồm bí thư, phó bí thư và chi ủy viên, đủ cơ cấu theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong nhiều năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ nhà trường nhiều năm hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H2-1.3-04]; [H2-1.3-06]; [1.3-08].

Cuối mỗi năm học qua rà soát đánh giá các tổ chức đoàn thể đều thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công việc được giao, góp phần vào chất lượng giáo dục của nhà trường. [H2-1.3-03]; [H2-1.3-09].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên. [1.3-08]; [H1-1.1-07]; [H2-1.3-06].

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. [1.3-08]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức Chi bộ trực Huyện Ủy, có các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh. Các đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình góp phần tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường và Kế hoạch nhiệm vụ công tác hàng năm; đóng góp tích cực vào thành tích chung của nhà trường.

3. Điểm yếu

Sức chiến đấu của một số Đảng viên trong chi bộ đôi lúc còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Chi bộ, khẳng định là hạt nhân lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà trường và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Khuyến khích sự

tự chủ, sáng tạo trong hoạt động của Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh để tổ chức các hoạt động nhằm đưa phong trào thi đua của nhà trường ngày càng có hiệu quả, chất lượng giáo dục ngày càng đi lên

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm đánh giá nhà trường hiện có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng, còn thiếu 01 Phó hiệu trưởng theo thông tư liên tịch số 35/2006/TTTL-BGDĐT-BNV hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông trung học ban hành ngày 23/08/2006. **[H2-1.4-01]**.

Nhà trường có đầy đủ các Tổ CM theo đúng qui định như: 01 tổ tự nhiên; 01 tổ xã hội và Tổ văn phòng. **[H2-1.4-02]**.

Tổ CM, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường PT có nhiều cấp học). **[H2-1.4-03]; [H2-1.4-05]**.

Mức 2:

Hằng năm, các tổ CM trong nhà trường thường đề xuất và thực hiện được từ ít nhất 1 chuyên đề lĩnh vực CM có tác dụng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục toàn diện. **[H2-1.4-04]**.

Hoạt động của Tổ CM và Tổ văn phòng được định kỳ tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng của tổ nhằm đưa ra những kế hoạch, các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của nhiệm vụ đề ra. **[H2-1.4-05]**.

Mức 3:

Hoạt động của tổ Chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Việc xây dựng các chuyên đề, các buổi thảo luận nghiên cứu bài học, những tiết dự giờ thăm lớp thường xuyên giúp giáo viên học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nắm chắc phương pháp các bộ môn. Tổ Văn phòng có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H2-1.4-03]; [H2-1.4-04];[H2-1.4-05].

Mỗi tháng, mỗi học kỳ; các tổ CM xây dựng kế hoạch, thảo luận thống nhất và tổ chức thực hiện hiệu quả các chuyên đề CM góp phần vào công tác nâng cao CLGD của mỗi năm học [H2-1.4-05]; [H2-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức nhà trường cơ bản đủ số lượng: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng, các Tổ CM và Tổ văn phòng theo quy định. HT, PHT có trình độ đạt chuẩn, có trung cấp lý luận chính trị. Các tổ trưởng CM đều là những GV đã đạt thành tích trong các Hội thi GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh nhiều năm liền.

Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ đề ra đạt hiệu quả khá cao. Các tổ chủ động trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo tháng và năm học. Các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng hoạt động có chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đúng quy định.

3. Điểm yếu

Hiện đang còn thiếu 01 Phó hiệu trưởng theo thông tư liên tịch số 35/2006/TTTL-BGDĐT-BNV hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông trung học ban hành ngày 23/08/2006.

Nội dung sinh hoạt tổ CM chưa thật sáng tạo, phong phú còn nặng về sinh hoạt hành chính. Việc sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học chưa đảm bảo sự đồng bộ, thường xuyên ở các bộ môn.

Tổ văn phòng, công tác lưu trữ của bộ phận văn thư vẫn chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục pháp huy vai trò lãnh đạo của nhà trường và của các tổ, để nâng cao uy tín, vị trí nhà trường; tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo để bổ nhiệm thêm 01 Phó hiệu trưởng.

Cần xây dựng Kế hoạch, tổ chức thực hiện có chất lượng các buổi sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học ở đồng bộ các môn học. Mỗi tổ CM có triển khai cụ thể các nội dung, biện pháp cụ thể hơn trong việc bồi dưỡng CM, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng ứng dụng CNTT cho các thành viên trong tổ.

Trong các buổi họp CM cần có kế hoạch cụ thể, nhấn mạnh nội dung trọng tâm, trao đổi thảo luận kỹ hơn, cụ thể hơn về các nội dung nhằm nâng cao năng lực CM cho giáo viên; nâng cao chất lượng kết quả học tập của HS.

Đối với tổ văn phòng, cần thường xuyên được tổ chức các cuộc tập huấn về CNTT, tham dự các lớp bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021 – 2022, trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar có 158 HS, chia thành 4 lớp, gồm: 01 lớp 6 (40HS), 01 lớp 7 (40HS); 01 lớp 8 (39 HS); 01 lớp 9 (39 HS). [1.5-04]; [1.5-02]; [1.5-05]; [H1-1.1-06].

Đầu năm học, nhà trường biên chế sĩ số học sinh phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng Điều lệ trường, mỗi lớp có ban cán sự gồm: 01 lớp trưởng, từ 02 lớp phó trở lên (lớp phó học tập, lớp phó văn thể mỹ hoặc lớp phó lao động) do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học. Ban cán sự lớp hoạt động hiệu quả, góp phần khuyến khích phát triển khả năng cá nhân học sinh, hỗ trợ tích cực GVCN, GVBM trong công tác tổ chức dạy học. [H3-1.5-01]; [H3-1.5-03].

Mỗi lớp chia thành 3 tổ; mỗi tổ không quá 14 học sinh. Quản lý tổ có: 01 tổ trưởng và 01 tổ phó. [H3-1.5-03]; [1.5-02].

Mức 2:

Nhà trường có 04 lớp, sĩ số học sinh trong lớp theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học, Điều lệ trường tiểu học và quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt. [1.5-04]; [1.5-05].

Mức 3:

Năm học 2021 - 2022, trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar có 04 lớp, mỗi lớp không quá 40 học sinh. [1.5-04]; [1.5-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Ở mỗi năm học, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về biên chế số lớp học và số HS trong mỗi lớp. Đầu năm, mỗi lớp bầu ra ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng, ít nhất 02 lớp phó, mỗi lớp được chia thành 03 tổ, mỗi tổ không quá 14 học sinh. Hầu hết các em học sinh chăm ngoan, luôn có ý thức chấp hành kỷ luật các nội quy và quy định của nhà trường. Ban cán sự lớp, các tổ trưởng và tổ phó thực hiện tích cực, hiệu quả chức trách nhiệm vụ do GVCN, GV bộ môn và Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh hướng dẫn.

HS được học theo chương trình của Bộ GD&ĐT quy định, trong quá trình giảng dạy GV luôn thực hiện việc lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, liên hệ thực tiễn giáo dục ý thức, thái độ của HS.

3. Điểm yếu.

Hoạt động tự quản của học sinh đôi lúc hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường sẽ phát huy những điểm mạnh và tăng cường khắc phục những hạn chế để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; cụ thể :

Cán bộ quản lý xây dựng và chỉ đạo xây dựng các kế hoạch chi tiết cụ thể hợp lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá sát sao tới các tổ CM, đối với từng CBQL, GV, NV.

Phối hợp chặt chẽ với CMHS trong việc duy trì sĩ số và giáo dục học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tăng cường việc tổ chức các hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ ở nhà trường và các lớp.

Phát huy vai trò của tổ chức Đoàn THCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh. Đẩy mạnh hoạt động của tổ Tư vấn tâm lý học đường, tổ chức các buổi nói chuyện về lối sống đẹp, nâng cao ý thức công dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các em học sinh, đặc biệt các em học sinh cá tính mạnh để kịp thời tư vấn cho các em điều chỉnh hành vi, phòng ngừa vi phạm kỉ luật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đảm bảo đúng theo quy định như hồ sơ về quản lý hành chính, tài chính và tài sản, hồ sơ quản lý chuyên môn, sổ lưu trữ các văn bản đi và đến [1.6-01]; [1.6-07].

Hàng năm đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [1.6-02]; [1.6-07].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. [1.6-03]; [1.6-06].

Mức 2:

Nhằm phát huy hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT như phần mềm Smas, hệ thống CSDL ngành, hệ thống quản lý PCGD, phần mềm quản lý tài chính, tài sản, tiền lương... Các bộ phận trong nhà trường đã dần quen với phương thức quản lý hiện đại nên công tác ứng dụng CNTT trong nhà trường được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác quản lý. [1.6-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương như: kế hoạch trong công tác xã hội hóa giáo dục huy động các nguồn tài trợ, các nhà hảo tâm, thể hiện trong việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường. [1.6-07]; [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định: lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và tiến hành tự kiểm tra công tác thu chi tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung. Sử dụng phần mềm để quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

3. Điểm yếu.

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, để huy động nguồn xã hội hóa giáo dục cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và thực hiện tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản, công khai trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV. [H4-1.7-01]; [H4-1.7-02].

Nhà trường đã phân công, sử dụng, phân công nhiệm vụ đối với CBQL, GV và NV rõ ràng, phù hợp với sở trường và mang lại hiệu quả cao trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. [H4-1.7-04]; [H4-1.7-07].

CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học (Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường PT có nhiều cấp học) và các văn bản hiện hành khác. [H4-1.7-05]; [1.7-06].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV và NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Hiệu trưởng thực hiện phân công CM, nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường công tác của từng GV và NV. [H4-1.7-03]; [H4-1.7-04]; [1.7-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn thực hiện kịp thời, đầy đủ việc lập kế hoạch bồi dưỡng CM nghiệp vụ cho GV, tổ chức các hội thi, các hoạt động ngoại khóa... sôi nổi. Bên cạnh đó, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho các GV, NV tham dự đạt hiệu quả các Hội thi do cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức ở mỗi năm học. Xây dựng môi trường giáo dục lấy học sinh làm trung tâm và đạt được kết quả cao.

Việc thực hiện phân công sử dụng CBQL, GV và NV luôn cụ thể, rõ ràng, phát huy được khá hiệu quả năng lực, sở trường công tác của mỗi cá nhân dẫn đến hiệu quả mang lại khá cao.

3. Điểm yếu

Trong giai đoạn hiện nay, nhà trường đã đủ chỉ tiêu biên chế. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu giáo viên bộ môn Địa, Sử, Mỹ thuật và KHTN.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CM, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV. Tổ chức hội thi giáo viên giáo viên dạy giỏi, Hội thi làm và sử dụng đồ dùng dạy học tự làm... Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng để phát huy tốt năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện nhà trường. [H5-1.8-05].

Mỗi giáo viên có kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết từng tuần học theo sự phân công của CM. Nhà trường luôn đảm bảo chương trình theo quy định. Cuối năm có tổng kết và khen thưởng những cá nhân, tập thể xuất sắc. [H4-1.7-06]; [H5-1.8-01]; [1.8-02]; [H1-1.1-06]; [1.7-06].

Thực hiện rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo đúng quy định. [H5-1.8-03]; [H5-1.8-05].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Nhà trường tổ chức hoạt động dạy phụ đạo kiến thức theo đúng quy định của cấp trên. [H5-1.8-03]; [H5-1.8-04]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch cụ thể, phân công CM khá hợp lý, phân công nhiệm vụ đến từng ban ngành. Kịp thời xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và địa phương.

Hầu hết các GV có tinh thần trách nhiệm, có năng lực, lên kế hoạch nhiệm vụ ngay đầu năm, dạy học đúng và đầy đủ chương trình theo quy định.

3. Điểm yếu

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc tổ chức thực hiện các biện pháp, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém ở một số môn học chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp, GV cần linh hoạt hơn nữa trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức giờ dạy để các hoạt động đạt hiệu quả cao hơn nữa, tạo điều kiện cho học sinh tiếp thu kiến thức được tốt hơn.

Tăng cường kiểm tra, rà soát các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, vào mỗi kì hội nghị viên chức và người lao động, Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GDĐT). **[H6-1.9-01]; [H6-1.9-02]; [H6-1.9-04].**

Các kế hoạch của nhà trường đề ra luôn được sự đồng thuận cao từ phía giáo viên, nhân viên cũng như phụ huynh học sinh, chế độ chính sách dành cho giáo viên, nhân viên cũng như học sinh luôn được đảm bảo vì vậy hằng năm không có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, các vấn đề có liên quan được thể hiện qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân hàng năm. **[H6-1.9-03].**

Việc báo cáo thực hiện quy chế dân chủ được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, minh bạch trong buổi hội nghị viên chức và người lao động. **[H6-1.9-04].** **Mức 2:**

Nhà trường luôn có cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, tạo được sự đồng thuận cao của toàn thể GVNV và PHHS. **[H6-1.9-03]; [H6-1.9-04].**

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện quy chế dân chủ được công khai, minh bạch nên hằng năm nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tập thể trong và ngoài trường.

Nội bộ GVNV có sự nhất trí cao, tạo môi đoàn kết thống nhất, vì vậy nhà trường luôn được đánh giá tích cực.

3. Điểm yếu

Trong quá trình xây dựng quy chế dân chủ cũng như trong các cuộc họp vẫn còn một số ít giáo viên chưa thật sự mạnh dạn trong việc đóng góp xây dựng quy chế chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Động viên kịp thời tới những cá nhân, khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động chung, mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình để góp phần hoàn thiện quy chế để tạo sự nhất trí cao trong nội bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thi, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Việc đảm bảo an ninh, an toàn trong nhà trường luôn được chú trọng, hằng năm các ban ngành phối hợp với nhau tổ chức các buổi rèn luyện kỹ năng như: an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong trường

học, an toàn vệ sinh thực phẩm... nhằm hạn chế tối thiểu những tai nạn đáng tiếc xảy ra. [H6-1.10-02]; [H6-1.10-05]; [H6-1.10-07]; [H6-1.10-08].

Nhà trường đã thiết lập các trang thông tin như: Email, Facebook, zalo... để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. [H6-1.10-03].

Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp nhà trường phổ biến, tuyên truyền các nội dung nhằm giảm thiểu hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, vì vậy trường luôn đảm bảo an toàn, bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt ở các em. [H6-1.10-01]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong trường học đều đặn. Các bài viết tuyên truyền về chủ đề bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại. [H6-1.10-01]; [H1-1.1-06].

Việc phối hợp nhịp nhàng giữa các ban ngành, kịp thời phát hiện và xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H6-1.10-02]; [1.10-06]; [H6-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có thành lập Tổ tư vấn học đường. Có kế hoạch hoạt động, kịp thời xử lý các vụ việc liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn hiệu quả không để tình huống xấu xảy ra.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được đảm bảo. Có sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng bảo vệ của công An Thị trấn Quảng Phú. Tổ chức chặt chẽ, khoa học, phối hợp được các lực lượng thường xuyên liên tục, không để xảy ra tình huống xấu.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các điểm mạnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar có cơ cấu tổ chức, số lớp, số HS đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học; nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các Hội đồng, các tổ chức xã hội theo quy định. Nhà trường đã thực hiện tốt Nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành tốt sự quản lý hành chính của địa phương và luôn bám sát các văn bản của ngành; chấp hành sự chỉ đạo của Sở GDĐT Đắk Lắk và Phòng GDĐT huyện Cư M'gar, đồng

thời chủ động tham mưu cho Huyện ủy về Kế hoạch giáo dục, cùng với các biện pháp cụ thể, lãnh đạo hoạt động của nhà trường theo mục tiêu và Kế hoạch giáo dục bậc THCS. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng khá phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường và các nguồn lực về nhân lực và tài chính. Trường đã quản lý tốt các hoạt động giáo dục, công tác tài chính và các phong trào thi đua. CBQL, GV và NV nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Công tác an ninh trật tự, an toàn cho CBQL, GV, NV và HS luôn được đảm bảo. Với tất cả những thế mạnh trên, trong các năm qua, trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar luôn giữ vững danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh.

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường cơ bản có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường trung học. Các bộ phận từ CBQL nhà trường đến các đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn đều hoạt động rất đồng bộ theo sự lãnh đạo của Chi bộ. Các bộ phận trong quá trình hoạt động đều có sự thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Bên cạnh những mặt đạt được thì nhà trường vẫn còn tồn tại những điểm yếu cơ bản như: Việc định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia, đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng; Sức chiến đấu của một số Đảng viên trong chi bộ đôi lúc còn chưa cao; Nội dung sinh hoạt tổ CM chưa thật sáng tạo, phong phú còn nặng về sinh hoạt hành chính. Việc sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học chưa đảm bảo sự đồng bộ, thường xuyên ở các bộ môn; Tổ văn phòng, công tác lưu trữ của bộ phận văn thư vẫn chưa đảm bảo, khoa học; Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, để huy động nguồn xã hội hóa giáo dục cho nhà trường; Trong quá trình xây dựng quy chế dân chủ cũng như trong các cuộc họp vẫn còn một số ít giáo viên chưa thật sự mạnh dạn trong việc đóng góp xây dựng quy chế chung; Khu bãi tập của nhà trường chưa hoàn thành về CSVC và trang thiết bị để phục vụ cho công tác dạy môn Thể dục và tổ chức các môn điền kinh nên ảnh hưởng tới một số hoạt động dạy học.

Với những ưu điểm và tồn tại được nêu ra trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục hạn chế đang tồn tại.

Trong 10 tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 1, nhà trường tự đánh giá các tiêu chí đạt như sau:

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10**

+ **Số tiêu chí đạt: 10**

+ **Số tiêu chí không đạt: 00**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: (3/5) tiêu chí chiếm 60 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu: Những năm qua, trường Phổ thông Dân tộc Nội trú luôn có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ điều kiện và năng lực để triển khai tốt các hoạt động giáo dục mỗi năm học do cấp trên tin tưởng phân công. Đặc biệt, CBQL có lối sống trong sáng, lành mạnh; năng lực chuyên môn tốt, luôn tận tụy, nhiệt tình với công việc; có tinh thần tương trợ, giúp đỡ cho đội ngũ GV, NV ở mọi lĩnh vực mà mình phụ trách. Đội ngũ CBQL, GV, NV của trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định, hàng năm đều được xếp loại từ khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn luôn được trau dồi nên số lượng giáo viên đạt GVĐG cấp huyện, tỉnh hàng năm đều thu được kết quả cao. Tập thể CB, GV, NV trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó đã góp phần thúc đẩy mọi hoạt động giáo dục của nhà trường ngày một phát triển. Đa đa số các em HS chăm ngoan và thực hiện tốt Nội quy của trường, lớp. Nhà trường rất coi trọng việc đảm bảo quyền lợi và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các em phấn đấu học tập và rèn luyện, sinh sống tại trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Dựa trên cơ sở thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và thông tư 32/2020/TT-BGD&ĐT ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, THPT và trường Phổ thông nhiều cấp học, quy định Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải đạt yêu cầu về trình độ đào tạo của nhà giáo và thời gian công tác theo quy định của Luật giáo dục trường phổ thông. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường trước khi được bổ nhiệm đều có bằng cấp theo yêu cầu và đảm bảo đủ thời gian công tác trước khi được bổ nhiệm làm cán bộ quản lý [1.7-08]; [H2-1.4-01].

DANH SÁCH HIỆU TRƯỞNG, PHÓ HIỆU TRƯỞNG QUA CÁC NĂM HỌC

Năm học	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
2017 - 2018	Nguyễn Thành Vinh	H Lum Niê	Nguyễn Công Long
2018 - 2019	Nguyễn Thành Vinh	H Lum Niê	Nguyễn Công Long
2019 - 2020	Nguyễn Thành Vinh	H Lum Niê	Nguyễn Công Long
2020 - 2021	Nguyễn Hữu Công	H Lum Niê	Nguyễn Công Long
2021 - 2022	Nguyễn Hữu Công	H Lum Niê (chuyên công tác tháng 10/2021)	Nguyễn Công Long

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đã được bồi dưỡng sơ cấp và trung cấp lí luận chính trị, nghiệp vụ quản lí giáo dục, Hoàn thành Bồi dưỡng thường xuyên Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Mô đun 1 đến mô đun 5 và mô đun 9 [H7-2.1-01]; [H7-2.1-02].

Căn cứ vào Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018, hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn trở lên [2.1-03]; [2.1-04].

Mức 2:

Trong nhiều năm liên tiếp tính từ thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng của nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên. Năm 2020, Hiệu trưởng trường được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá [2.1-04].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp bồi dưỡng sơ cấp và trung cấp lí luận chính trị, được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí giáo dục. [H7-2.1-02]

Trong quá trình công tác Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, thể hiện qua phiếu đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của giáo viên, nhân viên hàng năm [2.1-03].

Mức 3:

Từ năm học 2019-2020 đến nay, Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của trường đều đạt chuẩn ở mức khá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [2.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn trở lên về văn bằng chứng chỉ, được bồi dưỡng qua các lớp quản lí giáo dục, trung cấp lí luận chính trị, khả năng ứng dụng thành thạo CNTT trong công tác quản lí và giảng dạy và luôn được đội ngũ giáo viên, nhân viên tín nhiệm. Việc đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018 đều được thực hiện đúng nội quy quy định hằng năm. [H7-2.1-04].

Các cấp quản lí xây dựng kế hoạch chỉ đạo kịp thời, hiệu quả, tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Nội bộ viên chức trong nhà trường luôn giữ mối đoàn kết cao.

3. Điểm yếu

Mặc dù Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có những kế hoạch công tác cụ thể và triển khai quyết liệt, tuy nhiên giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục ở một số chỉ tiêu đề ra chưa đạt yêu cầu dẫn đến hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tới, nhà trường chú trọng xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch giáo dục sát với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương.

Có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tạo điều kiện để đội ngũ tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng không ngừng học hỏi kỹ năng quản lý để có kế hoạch tổ chức, sắp xếp công việc khoa học phù hợp nhằm đáp ứng cao nhất công tác giáo dục của nhà trường.

Cụ thể Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng cần chỉ đạo sát sao hơn công tác bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt là công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi, học sinh giỏi để trường đạt kết quả ngày càng cao; nắm vững các văn bản chỉ đạo về chế độ chính sách, về quy chế chuyên môn để kịp thời giúp đỡ đội ngũ nhà giáo ngày càng tiến bộ, yên tâm công tác, cống hiến cho nghề.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường dựa trên tình hình thực tế của đơn vị để cân đối biên chế đủ số lượng giáo viên, cơ cấu đều cho tất cả các môn học và được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H7-2.2-01]; [H7-2.2-02].

Trong số GV được phân công nhiệm vụ tham gia giảng dạy, đa số đều đạt trình độ chuẩn đào tạo theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ của mình, chiếm tỉ lệ 100% [H7-2.2-02].

Trong 05 năm trở lại đây, bên cạnh sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu, sự tìm tòi, nỗ lực, phấn đấu học hỏi không ngừng của Đội ngũ giáo viên trong công tác giảng dạy nên cuối mỗi năm học đều được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Đạt trở lên [H7-2.1-08].

Mức 2:

Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, vai trò của giáo dục cũng không ngừng đổi mới, vì vậy giáo viên cũng cố gắng trau dồi học tập để nâng cao trình độ của bản thân. Đó là minh chứng cho sự việc hằng năm số lượng giáo viên đăng kí tham gia đào tạo chuẩn trình độ được duy trì đều đặn, số lượng giáo viên học nâng cao trình độ đào tạo cũng không ngừng gia tăng [H7-2.2-03]; [H7-2.2-04].

Tính từ thời điểm đánh giá (05 năm liên tiếp), nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá [H7-2.1-08].

Hằng năm nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và hướng dẫn HS đi trải nghiệm cụ thể, chi tiết [H7-2.2-11]; [H7-2.2-12].

Tính từ năm 2017 đến nay, nhà trường tổ chức cho GV hướng dẫn HS tham gia nghiên cứu khoa học kĩ thuật đạt kết quả cấp trường và tham gia dự thi cấp huyện [H7-2.2-05]; [H7-2.2-06]; [H7-2.2-07].

Trong 05 năm liên tiếp, nhà trường không có giáo viên nào bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H7-2.2-03].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá, toàn thể GV, NV nhà trường đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức Khá là 81.25%, Tốt là 6,25%. Không có GV nào xếp loại chưa Đạt [H7-2.1-05].

Mỗi năm, nhà trường đều động viên GV tham gia viết báo cáo khoa học kĩ thuật và đạt kết quả [H7-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn 100%, CBGVNV gồm có 23 đồng chí, trong đó cán bộ quản lý 03, giáo viên trực tiếp đứng lớp có 10 người, nhân viên 13 người. Chất lượng và trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp với Luật giáo dục mới.

Nhà trường đã cơ cấu đủ số lượng cho các môn học. Hầu hết GV đều được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo. Luôn hoàn thành nhiệm vụ, không vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nhà giáo.

Đội ngũ giáo viên đa số tuổi đời còn trẻ, tâm huyết, yêu nghề, nhiệt tình trong công tác. Chủ tịch công đoàn, Tổng phụ trách đội và Bí thư đoàn năng nổ nhiệt tình, phát động và thu hút được các phong trào trong đoàn viên, đội viên.

Hầu hết GV tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do các ban ngành tổ chức, ngoài ra còn tự tìm tòi học hỏi các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. coi trọng việc sinh hoạt chuyên môn, lấy Tổ CM làm cơ sở để bồi dưỡng đội ngũ thông qua hội thảo, hội giảng, nghiên cứu theo hướng bài dạy, bồi dưỡng chuyên đề...

3. Điểm yếu

Một số GV tuổi đã cao nên gặp không ít khó khăn trong việc ứng dụng CNTT và năng lực ngoại ngữ còn hạn chế.

Một số GV trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy.

Nhiều GV trong diện hợp đồng, lương thấp còn chưa yên tâm công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kết hợp với Ban chấp hành Công đoàn phát động phong trào tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tin học.

Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, phấn đấu 100% GV trong nhà trường đạt kết quả từ trung bình trở lên khi tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, động viên để đạt 100% giáo viên có trình độ đáp ứng với Luật giáo dục mới.

Tiếp tục tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của GV để CB, GV nhận thức đầy đủ hơn và thực hiện đúng theo qui định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào tình hình thực tế, hằng năm nhà trường phân công chuyên môn, nhiệm vụ cho đội ngũ giáo viên nhân viên và đảm nhận thêm công tác kiêm nhiệm để đảm bảo mục tiêu và nhiệm vụ năm học đề ra [H4-1.7-04]; [H7-2.2-08].

Mỗi nhân viên được các cấp quản lý phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của nhà trường. Cuối mỗi năm học, dựa vào kết quả tổng kết đánh giá, đa số nhân viên, giáo viên được nhà trường phân công làm công tác kiêm nhiệm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, bên cạnh đó một số NV cần tư vấn học hỏi thêm [H8-2.3-01]; [H7-2.2-04]; [2.2-09].

Mức 2:

Việc định mức biên chế hằng năm đều được các cấp thực hiện rất rõ ràng, minh bạch vì vậy số lượng và cơ cấu nhân viên luôn được đảm bảo theo đúng quy định [2.2-01].

Được sắp xếp công việc phù hợp với năng lực công tác vì vậy trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H7-2.2-03]; [H7-2.2-04].

Mức 3:

Trong mỗi năm học, các nhân viên tích cực tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. Đội ngũ nhân viên của trường được làm việc đúng với trình độ đào tạo, đáp ứng được vị trí việc làm [H8-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Những năm gần đây để đáp ứng với môi trường giáo dục biến đổi không ngừng, bên cạnh đội ngũ giáo viên làm nòng cốt cho sự đổi mới, thì nhà trường luôn chú ý đến việc bồi dưỡng, trau dồi đội ngũ nhân viên. Hầu hết nhân viên trong trường đều có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng, yên tâm công tác và rất chú trọng đến việc tự nghiên cứu nghiệp vụ của bản thân.

Cụ thể đội ngũ nhân viên rất nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc, tất cả đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; nhân viên Kế toán, Thiết bị có nghiệp vụ bậc Cao đẳng.

Nhân viên tổ văn phòng được trang bị về thiết bị, kết nối internet, thiết bị cần thiết khác để làm tốt chức năng đảm nhận.

Nhà trường với tính đặc thù là trường Dân tộc Nội trú nên đội ngũ nhân viên theo định biên là 13 nhân viên (1 nhân viên văn thư, 1 y tế, 1 nhân viên thiết bị, 1 nhân viên thư viện, 1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên tạp vụ, 3 nhân viên cấp dưỡng) đảm bảo theo nhóm công việc theo yêu cầu của Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập trường Phổ thông Dân tộc Nội trú. Nhờ sự sắp xếp khoa học, bố trí công việc hợp lý với từng cá nhân, ban ngành, cơ cấu đầy đủ các bộ phận theo quy định, nội bộ đoàn kết nhất trí cao nên cuối năm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đội ngũ quản lý nhiệt tình, trách nhiệm và tâm huyết với công việc, sự chỉ đạo hoạt động của tổ có tính khoa học cho nên các thành viên của tổ văn phòng hoàn thành tốt các công việc được giao.

Đội ngũ nhân viên của trường được đảm bảo các quyền, phát huy dân chủ trong mọi hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên nằm trong diện hợp đồng (bảo vệ, y tế, thiết bị) nên chưa có tâm lý an tâm công tác.

Một số nhân viên thiếu chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ; nhân viên còn bố trí công tác kiêm nhiệm nên ảnh hưởng hiệu quả công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục kiện toàn và củng cố tổ văn phòng, xác định rõ chức năng, chức trách cho mỗi thành viên. Tổ chức giao ban định kỳ với Kế toán, Thủ quỹ để theo dõi thu chi. Hoàn thiện qui chế chi tiêu nội bộ theo hướng có chế độ đãi ngộ với Nhân viên văn phòng để động viên, khích lệ tinh thần làm việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, nhà trường bố trí sắp xếp cho NV tham gia vào các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua các đợt tổ chức của ngành. Chú trọng nâng cao trình độ CNTT cho nhân viên để hoàn thành tốt công việc.

Trưởng các ban ngành tăng cường góp ý, thúc đẩy tư vấn, hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS huyện Cư Mgar đáp ứng tương đối yêu cầu, quy định về độ tuổi học sinh tham gia học tập [1.5-04].

Đầu mỗi năm học, trường đã tổ chức cho các em học tập nội quy, quy chế do Đội thiếu niên phụ trách, qui định rõ về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của học sinh khi tham gia học tập, sinh hoạt ở trường, cơ bản các em ngoan, chấp hành tương đối nghiêm túc. [1.5-02].

Mức 2:

Được sự phối hợp của các ban ngành như: Tổng phụ trách Đội TNTP, GVCN, ban Pháp chế... thực hiện việc phối, kết hợp kịp thời xử lý và có biện pháp giáo dục phù

hợp đối với những HS vi phạm, có các biện pháp giáo dục phù hợp để có hướng chuyển biến tích cực [2.4-01].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có HS đạt HSG các môn văn hóa, TDTT các cấp, HS năng khiếu ở các khối lớp, có tác động tích cực đến phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của toàn trường [2.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm, tuyển sinh đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định độ tuổi của học sinh trong Điều lệ trường trung học (từ 11 tuổi vào học lớp 6). Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt 100%.

Công tác phối hợp trong việc giáo dục học sinh được phát huy; Đội cờ đỏ hoạt động thường xuyên, theo dõi sát sao đã góp phần đáng kể trong việc giúp nhà trường kịp thời giáo dục học sinh. Đa số HS chăm ngoan, cố gắng trong việc hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Đa số các em đều xa nhà đến trường học tập và nội trú nên vẫn thường thiếu vắng sự chăm sóc thường xuyên của bố mẹ hằng ngày; một số em lớp 6 thời gian đầu còn nhớ nhà, chưa tự làm được một số việc phục vụ bản thân. Vẫn còn một vài em tinh thần tự học tự rèn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao vai trò của mọi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường trong việc giáo dục hạnh kiểm học sinh, nhất là vai trò của tổ chức Đội thiếu niên và bộ phận nề nếp để tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, quản lý học sinh một cách sâu sát, chặt chẽ và đồng bộ nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lý và giáo dục những học sinh có hành vi phạm nội quy, vi phạm cam kết của nhà trường.

Tăng cường phối hợp cùng các cơ quan chức năng, địa phương nhất là PHHS để phối hợp quản lý và giáo dục.

Chỉ đạo tốt hoạt động của tổ tư vấn về tâm sinh lý cho học sinh, nhằm nắm bắt được nguyện vọng cũng như tâm tư, tình cảm, những vướng mắc của các em trong học tập, trong các mối quan hệ về bạn bè cùng và khác giới, về hoàn cảnh gia đình kịp thời, nhằm giáo dục, cảm hoá, giải thích giúp các em có định hướng đúng, có kỹ năng trong việc giải quyết những vấn đề cá nhân trong học tập và trong cuộc sống.

Tăng cường hoạt động NGLL, sinh hoạt tập thể để học sinh có điều kiện thể hiện năng khiếu của mình, biết hoà đồng vào tập thể, xây dựng môi trường thân thiện, đoàn kết giữa các học sinh trong lớp với nhau và trong toàn trường. Tổ chức ngoại khoá về hoạt động tự quản lớp cho cán bộ lớp, cán bộ Chi đội.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Từ những đánh giá trên về Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường, chúng ta có thể nhận thấy đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường có trình độ đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhiệt tình,

có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục tại địa phương, có trình độ trên chuẩn, đã qua nhiều năm công tác giảng dạy và quản lý nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác. Các loại hồ sơ quản lý, kế hoạch hoạt động, kế hoạch thi đua đầy đủ và cụ thể, biện pháp chặt chẽ. Đặc biệt đã tập hợp được sự đồng thuận cao của đội ngũ nên đã phát huy được sức mạnh tập thể mang lại thành tích cao cho nhà trường.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường đã ý thức được truyền thống của nhà trường, với bề dày thành tích của nhiều thế hệ đã dày công xây dựng nên đã không ngại khó, luôn phấn đấu nâng cao đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đạt 100%. Hằng năm số giáo viên đạt CSTĐ, giáo viên giỏi có từ 1 đến 3 người. Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, công việc được phân công đúng chuyên môn nghiệp vụ, có tính tự giác cao nên đã hoàn thành tốt công việc được giao.

Đội ngũ học sinh của nhà trường hàng năm được tuyển chọn nên nhìn chung đa số các em có ý thức chăm chỉ rèn luyện và học tập, thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh theo Điều lệ trường trung học quy định và nội quy của nhà trường. Không có học sinh vi phạm pháp luật. Các em được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước được đảm bảo các quyền theo quy định.

Bên cạnh những thế mạnh vốn có, nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: trình độ ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số thích ứng với môi trường giáo dục mang tính đặc thù (100% các em là con em dân tộc thiểu số) của CBGVNV chưa đáp ứng yêu cầu, mặt khác do tuổi nghề của mỗi giáo viên khác nhau nên kinh nghiệm về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ không đồng đều.

Qua đánh giá 04 tiêu chí của tiêu chuẩn 2, kết quả đạt như sau:

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4**

+ **Số tiêu chí đạt: 4**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %

Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Trường PT DTNT THCS Cư Mgar đã và đang từng bước đẩy mạnh công tác dạy học và các hoạt động để đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện cho học sinh, nhà trường xác định cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học chính là hai điều kiện quan trọng, đảm bảo cho nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục được giao. Chính vì vậy trong những năm qua nhà trường đã tích cực phát triển và quản lý tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Nhà trường có một khuôn viên riêng biệt, rộng, thoáng mát, có tường bao, có cổng trường, biển trường. Trong trường đảm bảo cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp. Nhà trường có đủ khối phòng học, khối phòng bộ môn đảm bảo diện tích, ánh sáng, thoáng mát; bàn ghế học sinh

vừa tầm theo độ tuổi; có phòng Truyền thống nhà trường, phòng Đội thiếu niên; có đủ khối phòng hành chính, khu bếp ăn tập thể, khu kí túc xá dành cho học sinh ăn ở, rèn luyện và học tập tại trường, có khu để xe riêng biệt cho giáo viên; có đủ nhà vệ sinh phục vụ riêng biệt của giáo viên và học sinh, riêng biệt cho nam và nữ, các phòng ở; hệ thống cấp thoát nước, nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh. Việc thu gom rác thải được tiến hành hàng ngày. Trang thiết bị khá đủ để phục vụ dạy học, thực hành, nghiên cứu. Nhà trường có thư viện, có các loại sách, báo, tạp chí, sách tham khảo, sách giáo khoa được đầu tư hàng năm về số lượng cũng như chủng loại phục vụ tốt nhu cầu đọc, tham khảo cho các em học sinh.

Để trường được phát triển tốt nhất thì yếu tố cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học là hai điều kiện thiết yếu phục vụ hoạt động dạy và học của GV, HS. Chính vì vậy, nhà trường đã thực hiện quản lý tài chính theo quy định và huy động khá hiệu quả các nguồn kinh phí hợp pháp để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục. Nhìn chung cơ sở vật chất và trang thiết bị tương đối đảm bảo yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có diện tích 11.683,2 m² với tổng số học sinh là 160 em, với khuôn viên rộng rãi, có nhiều cây xanh, cây cảnh trong khu vực sân trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp thoáng mát theo đúng quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục [3.1-01].

Trường có cổng, biển được xây dựng, thiết kế theo đúng chuẩn của nhà trường phổ thông, qui định của Bộ GD&ĐT, hướng dẫn của phòng GD&ĐT huyện Cư M'gar. Phần lớn diện tích nhà trường được bao bọc bởi tường rào kiên cố [3.1-02].

Được sự quan tâm của các ban ngành, việc đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất được chú trọng, trường có khu sân chơi, bãi tập tương đối đầy đủ, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H8-3.1-03]; [H8-3.2-02].

Mức 2:

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập được tách biệt riêng với khu học tập, có đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ yêu cầu bộ môn Giáo dục thể chất tuy nhiên trường chưa có nhà đa năng, hồ bơi để HS phát huy hết khả năng của bản thân [3.1-01].

Mức 3:

Trường học nằm trên địa bàn thị trấn Quảng Phú nên có diện tích đủ rộng để đáp ứng với tiêu chuẩn mà Điều lệ trường đưa ra đối với môn GDTC, trung bình 23,5 m²/học sinh [H8-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường nằm ở vị trí đẹp, thuận tiện, có khuôn viên riêng biệt, cách li bên ngoài, đảm bảo an toàn cho các em học sinh vui chơi, học tập, ở tại trường. Hằng năm trường luôn bổ sung nhiều cây xanh, cây cảnh tạo mỹ quan, môi trường trong lành, xanh – sạch – đẹp đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và duy trì tốt các hoạt động sinh hoạt, ăn ở, vui chơi, rèn luyện, học tập cho học sinh trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Đằng sau khu bếp ăn tập thể và Kí túc xá của nhà trường vẫn còn khu đất trống nhưng chưa Quy hoạch kang trang nhằm tạo ra Khu vui chơi, trải nghiệm ý nghĩa cho học sinh trong nhà trường.

Học sinh Nội trú nên các em ở tại trường, vì vậy các thiết bị, dụng cụ luyện tập thể dục thể thao của nhà trường chưa đáp ứng hết nhu cầu rèn luyện sức khỏe hàng ngày của các em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Cư Mgar huy động hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường nguồn kinh phí bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao còn thiếu; xây dựng Khu vui chơi, trải nghiệm đằng sau Khu nhà bếp, kí túc xá tạo nên Khu hoạt động trải nghiệm cho các em sau những giờ học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;
- b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;
- c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

- a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;
- b) Khỏi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có số lượng 04 phòng học đầy đủ để phục vụ cho học sinh 04 lớp học tập một buổi, chất lượng thiết bị của phòng học đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và hợp vệ sinh. Bảng viết đúng quy cách, kích thước vật liệu, kiểu dáng, màu sắc bàn ghế cho giáo viên, học sinh đúng tiêu chuẩn, phù hợp với quy định của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [3.2-01]; [H8-3.2-02].

Nhà trường đủ phòng học bộ môn: 01 phòng thực hành thí nghiệm môn Vật Lí, Hóa - Sinh, 01 phòng học Tin học, 01 phòng máy chiếu [3.2-01]; [H8-3.2-02].

Nhà trường có phòng hoạt động Đội, phòng thư viện và phòng đọc sách cho học sinh và giáo viên [3.2-01]; [H8-3.2-02].

Mức 2:

Phòng học với diện tích 48m²/01 phòng, trung bình 1,6m²/học sinh được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, chất lượng tốt, đáp ứng cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu dành cho học sinh ăn ở, học tập và rèn luyện tại trường [3.2-01]; [H8-3.2-02].

Khối phục vụ học tập gồm 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện có phòng đọc sách cho giáo viên và học sinh, 01 phòng y tế có đầy đủ thiết bị sơ cứu và tủ thuốc, 01 phòng văn thư, 1 phòng kế toán, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định [3.2-01]; [H8-3.2-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định như phòng tin học có 30 máy tính, phòng thực hành có đầy đủ các dụng cụ thực hành, thí nghiệm cho HS [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Được sự quan tâm của các ban ngành và chính quyền địa phương, trường đã cơ bản đủ trang thiết bị ở hầu hết phòng học theo nhu cầu và được bố trí khoa học, hợp lý. Trong mỗi phòng học, đều được trang bị, niêm yết đầy đủ như: bảng chống loá, quạt mát, bóng đèn... phục vụ cho công tác dạy và học; có ảnh Bác Hồ, cờ tổ quốc và các khẩu hiệu theo qui định của phòng GDĐT. Có phòng học bộ môn phục vụ công tác dạy và học, có phòng tin học, phòng máy chiếu...

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu phòng thí nghiệm cho môn Khoa học tự nhiên, chưa có hồ bơi để phục vụ môn GDTC.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị ở các phòng khi cần thiết.

Duy trì và làm tốt công tác tham mưu với cấp trên để tu sửa, nâng cấp các phòng học xuống cấp hoặc xây dựng phòng học kiên cố mới đáp ứng nhu cầu dạy và học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khối phòng phục vụ cho học tập: 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 phòng tin học; 01 phòng Đội; 01 phòng đọc cho giáo viên và học sinh; 01 phòng y tế; 1 phòng kế toán, 1 phòng văn thư còn ghép chung, các phòng diện tích còn hẹp nhưng cũng đảm bảo đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H8-3.2-02].

Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H8-3.2-02].

Hàng năm, cứ mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức kiểm tra tài sản, nắm bắt những tài sản đã hỏng, hết hạn sử dụng. Từ đó, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời các thiết bị phục vụ cho khối hành chính - quản trị làm việc hiệu quả [3.3-02]; [3.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định như: Văn phòng nhà trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng kế toán, phòng văn thư theo quy định. Phòng y tế đã có đầy đủ trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu được trang bị thường xuyên, kịp thời phục vụ cho HS, CB, GV, NV trong nhà trường [H8-3.2-02]; [H8-3.3-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Nhà trường đã trang bị các loại máy văn phòng như máy tính, máy in cho các bộ phận của nhà trường phục vụ cho hoạt động của từng ban ngành. Máy tính có nối mạng internet ở một số phòng phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tham khảo của giáo viên trong nhà trường [3.3-05]; [1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo việc giảng dạy ngày 2 ca cho học sinh; các phòng học bộ môn có diện tích tương đối phù hợp, được trang bị các thiết bị dạy học dần được hiện đại đảm bảo cho các hoạt động theo chức năng. Có 04 tivi màn hình lớn gắn ở 04 phòng học, 2 máy chiếu phục vụ giảng dạy, hội nghị.

Phòng học, phòng học bộ môn đảm bảo quy cách, thoáng mát theo chức năng của mình; giáo viên và học sinh có điều kiện thuận lợi tiếp cận với công nghệ mới, kiến thức mới.

Các dãy phòng học, phòng học bộ môn được tu sửa mới theo hướng hiện đại, đủ các yêu cầu cần thiết, phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát.

3. Điểm yếu

Hầu hết thiết bị phục vụ cho học tập và khối phòng hành chính, quản trị đã xuống cấp do đã sử dụng lâu năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường chú trọng đến việc sử dụng hiệu quả các phòng bộ môn để nâng cao chất lượng dạy học. Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học và phòng bộ môn để sử dụng lâu dài.

Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ của công, cảnh quan nhà trường cho học sinh để các em có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản các thiết bị trong từng lớp học tốt hơn.

Tiếp tục tham mưu với UBND huyện để xây dựng nâng cấp một số khối phòng hành chính, quản trị, khối phòng phục vụ học tập. Xây dựng mới các phòng làm việc đã xuống cấp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã có các khu công trình vệ sinh riêng biệt cho CB, GV, NV và học sinh nam và học sinh nữ, được xây dựng đảm bảo theo chuẩn của quy định Điều lệ trường, ở vị trí phù hợp với cảnh quan, an toàn, thuận tiện, đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H8-3.2-02].

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của GV, NV và HS trong nhà trường. Hệ thống cấp nước đảm bảo yêu cầu. Có bể và bồn nước chứa nguồn nước giếng sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn cung cấp đầy đủ nước phục vụ cho tưới tiêu và công tác vệ sinh trong nhà trường [H8-3.4-01]; [H8-3.4-03].

Nhà trường đã trang bị các thùng đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác thải, thuê nhân viên tạp vụ thu dọn vệ sinh, quét rác trong khu vực khuôn viên nhà trường đảm bảo thường xuyên và sạch sẽ. Đồng thời có kế hoạch cho các lớp học lao động dọn vệ sinh trường, lớp hàng ngày [3.4-02]; [3.4-04].

Mức 2:

Nhà trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận lợi, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H8-3.2-02].

Nhà trường có nguồn nước sạch cung cấp nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không ứ đọng xung quanh trường lớp, có thùng đựng và phân loại rác thải. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối đi riêng, đúng khoảng cách quy định và cuối chiều gió. Rác được Công ty môi trường thu gom đúng ngày, không để rác ứ đọng gây ô nhiễm, nhân viên tạp vụ thường xuyên dọn vệ sinh giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp [H8-3.4-01]; [3.4-02]; [H8-3.4-03]; [3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có khu để xe, khu vệ sinh riêng biệt dành cho giáo viên, nhân viên, được bố trí hợp lý, đảm bảo trật tự, an toàn và rộng rãi, đảm bảo cảnh quan môi trường.

Nguồn nước giếng đào đầy đủ, bể chứa nước to đủ dùng phục vụ thuận tiện cho giáo viên, học sinh ăn ở tại trường.

Có nhân viên phụ trách công tác vệ sinh nên nhà vệ sinh đảm bảo thường xuyên sạch sẽ, nguồn nước cung cấp đầy đủ, thường xuyên.

3. Điểm yếu

Hệ thống cấp thoát nước phòng vệ sinh Khôi hành - chính quản trị đã xuống cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu với UBND huyện bố trí kinh phí tu sửa, nâng cấp hệ thống thoát nước trong phòng vệ sinh Khôi hành - chính quản trị.

Thường xuyên giữ vệ sinh, trồng bổ sung và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nhà trường. Đảm bảo vệ sinh môi trường, giữ trường luôn xanh, sạch, đẹp. Nâng cao ý thức tập thể cho mỗi giáo viên, nhân viên và học sinh luôn nêu cao ý thức giữ gìn bảo vệ của công.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in, máy phô tô và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định [1.6-06].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định, nhưng một số tranh ảnh, đồ dùng, hóa chất qua sử dụng đã bị hư hỏng, hết hạn sử dụng [3.1-03].

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức kiểm kê đồ dùng và thiết bị của từng bộ phận, ban ngành. Thực hiện kịp thời việc sửa chữa, nâng cấp đồ dùng dạy học và thiết bị dạy học đã bị hư hỏng để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng [3.3-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy và học [3.3-05].

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết như: tranh ảnh, dụng cụ thực hành, hoá chất, mô hình, bản đồ, lược đồ... để phục vụ cho dạy và học [3.1-03].

Hàng năm nhà trường thường được cập nhật thêm trang thiết bị dạy học theo quy định của cấp trên và mua bổ sung thêm các thiết bị đã hư hỏng. Có kế hoạch và tổ chức cho các tổ chuyên môn làm đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học các bộ môn [3.3-02]; [H9-3.5-01].

Mức 3:

Giáo viên thực hiện tốt việc mượn, sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả trong các giờ lên lớp đảm bảo đúng quy trình của bộ phận thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao CLGD của nhà trường. Việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học thường xuyên đã giúp cho chất lượng dạy học trong những năm gần đây có chuyển biến mạnh và đạt chất lượng cao. Tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên việc mượn và sử dụng đồ dùng còn ít nên việc sử dụng còn lúng túng [3.5-02]; [3.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ GDĐT. Các tổ CM duy trì kế hoạch làm đồ dùng dạy học hằng năm.

Hầu hết các GV đều có kế hoạch và thực hiện tích cực việc sử dụng thiết bị đồ dùng trong các giờ thực hành và giờ lên lớp.

Công tác quản lý và sử dụng của cán bộ phụ trách thiết bị và GV khá hiệu quả. Công tác kiểm kê thiết bị đồ dùng đánh giá việc bảo quản sử dụng của tổ, nhóm CM được thực hiện khá chặt chẽ.

3. Điểm yếu

Tranh ảnh minh họa, đồ dùng dạy học, hóa chất ở một số môn học qua sử dụng lâu đã cũ, hư hỏng, quá hạn sử dụng.

Vẫn còn một số ít GV sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy còn ít dẫn đến các thao tác sử dụng thiết bị dạy học còn lúng túng, chưa phát huy hiệu quả, tính năng của các đồ dùng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tham mưu với lãnh đạo nhà trường và ngành giáo dục thanh lý và bổ sung thêm những thiết bị và đồ dùng dạy học cần thiết đáp ứng nhu cầu dạy học trong nhà trường.

Làm tốt công tác mượn trả các thí nghiệm đồ dùng theo tiết học có sổ theo dõi của giáo viên phụ trách phòng học bộ môn; công tác kiểm kê mỗi kỳ học, các thiết bị của bộ đồ dùng để nắm bắt số lượng cần bổ sung, sửa chữa.

Làm tốt công tác quản lý thiết bị đồ dùng để sử dụng trong nhiều năm như tranh ảnh, mô hình, mẫu vật.

Khai thác triệt để kiến thức từ các bộ đồ dùng để nâng cao chất lượng các giờ lên lớp. Phát huy hiệu quả việc sử dụng các loại đồ dùng tự làm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhân viên phụ trách thư viện tích cực tham mưu với nhà trường thực hiện việc mua sắm và bổ sung đầy đủ các đầu sách và các tài liệu tham khảo. Các loại sách, tài liệu được sắp xếp cẩn thận, đảm bảo được tính khoa học cao. Có đầy đủ sách giáo khoa

sắp xếp khoa học, hợp lý theo từng loại sách cho từng tủ để tiện cho việc tra cứu mượn sách trong thư viện. Các cuốn sách đều được niêm yết mã số, tên tác giả giúp người đọc, mượn trả một cách thuận tiện khoa học và giúp cho người quản lý thư viện quản lý sách đảm bảo yêu cầu [3.6-01].

Thư viện nhà trường hoạt động thường xuyên, đúng quy định về thời gian đáp ứng tốt cho nhu cầu đọc và tìm kiếm tài liệu, việc nghiên cứu của học sinh, cán bộ, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Nội quy thư viện và lịch mượn sách được xây dựng khoa học theo lịch từng ngày, khối lớp tiện cho CB, GV, NV và HS tham gia mượn và tra cứu tài liệu [3.6-01].

Mỗi năm học, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [3.6-01].

Mức 2:

Thư viện đã được đánh giá đạt chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định [H9-3.6-02]; [H9-3.6-03].

Mức 3:

Nhà trường trang bị phòng thư viện có 1 máy tính và 1 máy in dùng để tra cứu và cập nhật thông tin trên mạng, thu thập thông tin mới. Sách báo mới về được cập nhật vào phần mềm và in ra sổ, có hóa đơn, chứng từ theo dõi quản lý tài sản sách báo khoa học, chính xác [3.6-01]. Tuy nhiên, thư viện trường chưa có hệ thống máy tính phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đã được đánh giá đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT. Nhân viên thư viện tận tụy nhiệt tình phục vụ. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch và thực hiện bổ sung các đầu sách, tài liệu tham khảo mới phục vụ nhu cầu của bạn đọc.

Tủ và giá sách thiết kế đa dạng, kiểu dáng tiện cho việc tra cứu lấy sách thu hút được người đọc, nghiên cứu... Sách giáo khoa phân loại khoa học sắp xếp, gọn gàng ngăn nắp tiện cho việc quản lý. Sổ sách cập nhật ghi chép đầy đủ, rõ ràng.

Thư viện làm chức năng lưu trữ và luân chuyển sách báo, tạp chí. Thông qua nội dung sách, báo, tạp chí thư viện góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy học tập, tuyên truyền thực hiện tới đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước nhằm xây dựng thế giới khoa học nếp sống văn minh cho giáo viên, học sinh.

Thư viện nhà trường đã có phòng đọc dành riêng cho giáo viên và học sinh thuận lợi cho việc tham khảo tài liệu phục vụ cho dạy và học.

3. Điểm yếu

Phòng đọc dành cho giáo viên và học sinh còn sử dụng chung. Thư viện trường chưa có hệ thống máy tính phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng mở rộng quy mô thư viện nhà trường, có phòng đọc riêng cho giáo viên và học sinh. Trang bị hệ thống máy tính đáp ứng nhu cầu

nghiên cứu, học tập, hướng đến xây dựng thư viện số. Duy trì công tác bổ sung sách, tài liệu tham khảo ... vào đầu mỗi năm học.

Phát động phong trào xây dựng thư viện trường học thân thiện tới gia đình, nhà trường, xã hội để mọi người hiểu biết về tầm quan trọng và lợi ích của sự phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Với khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, xanh, sạch, đẹp; với công tác tổ chức, quản lý cơ sở vật chất khoa học hiệu quả trong những năm qua trường PT DTNT THCS Cư Mgar đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng được xây dựng, tu sửa, bổ sung cả về số lượng lẫn chất lượng nên cơ bản đã đáp ứng nhu cầu quản lý và dạy-học. Tuy nhiên công tác xây dựng cơ sở vật chất nhà trường vẫn chưa theo kịp nhu cầu phát triển xã hội. Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền để đầu tư xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm dành cho các bộ môn Khoa học - tự nhiên, phòng sinh hoạt cho các tổ chuyên môn, bổ sung đầu sách, xây dựng thư viện điện tử cho học sinh; sửa chữa, nâng cấp các dãy phòng học các lớp, bổ sung dụng cụ thể thao, khu bãi tập phục vụ dạy học và rèn luyện sức khỏe cho học sinh; bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng như cầu phát triển của xã hội.

Nhà trường có khối phòng hành chính, quản trị phục vụ cho công tác giảng dạy nhưng diện tích nhỏ, một số phòng đã xuống cấp. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích rộng, đủ bóng mát cho học sinh vui chơi nhưng chưa đa dạng kiểu sân chơi bãi tập. Thư viện nhà trường được đánh giá đạt chuẩn, có các đầu sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu, báo chí đa dạng phục vụ tốt cho nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, tra khảo thông tin của giáo viên và học sinh theo quy định tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên, học sinh chưa nhiệt tình trong công tác đọc tham khảo sách trên thư viện.

Với thực tế trên, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến như tham mưu với cấp trên tăng cường nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho khu sân chơi, bãi tập, xây dựng nhà đa năng hồ bơi khang trang hơn và hoàn thiện hệ thống tường rào kiên cố bao bọc nhà trường. Huy động nguồn vốn của huyện để xây dựng nâng cấp một số khối phòng hành chính, quản trị, khối phòng phục vụ học tập. Thư viện trường có những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, được trang bị thêm máy tính phục vụ cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin của bạn đọc, hướng đến phát triển thư viện số, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

Qua kết quả đánh giá 06 tiêu chí của tiêu chuẩn 01, trường tự đánh giá mức đạt như sau:

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 06**

+ **Số tiêu chí đạt: 06**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

- Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Hàng năm, lãnh đạo nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với Huyện ủy, UBND huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo Cư M'gar; phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, (thị trấn) trên địa bàn huyện nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục và đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ, phối hợp tích cực. Đặc biệt, nhà trường đã chú trọng việc xây dựng Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và phối hợp hoạt động có hiệu quả, giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành về tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. **[H10-4.1-01]**

Mỗi năm học nhà trường đã tổ chức 03 lần họp cha mẹ học sinh (Đầu năm, cuối học kỳ I và cuối năm học). **[H10-4.1-02]; [H10-4.1-03]**

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định. **[H10-4.1-04]**

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, hướng dẫn tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh, nhà trường không có học sinh bỏ học, ở lại. **[H10-4.1-04]**

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H10-4.1-02]; [H10-4.1-03]; [H10-4.1-04]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh hiện hành. Hàng năm tổ chức tốt các kỳ họp cha mẹ học sinh; nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Mọi quan hệ và thông tin giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

3. Điểm yếu

Một số ít thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa nhận thức đúng về nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của mình; hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đôi lúc thiếu chủ động và chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) cho toàn thể cha mẹ học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và của nhà trường. Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đạt hiệu quả; duy trì tốt các kỳ họp và mối quan hệ giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh có chủ trương huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và vào các hoạt động giáo dục, tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. [H1-1.1-07]; [H1-1.1-04]

Thông qua các kỳ họp tại địa phương, nhà trường đã thực hiện khá tốt công tác tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường. [H10-4.2-01]

Hàng năm, nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện từ cha mẹ học sinh nhằm hỗ trợ những học sinh tham gia các kỳ thi học sinh giỏi, trang bị các thiết bị thiết yếu để chăm lo đời sống nội trú cho học sinh. [H10-4.2-01]

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. [H1-1.1-07]; [H1-1.1-04]

Nhà trường có phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, huyện Đoàn, hội đồng Đội, Trung tâm văn hóa-thể thao huyện trong việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc thông qua các hoạt động chuyên đề, ngoại khóa, các bài tìm hiểu về lịch sử của địa phương. [H10-4.2-02]; [4.2-03]; [H10-4.2-05]

Thực hiện tốt công tác chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ ở địa phương. [4.2-03]

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. [H10-4.2-04]

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể của địa phương để huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nhà trường. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các cá nhân để tăng thêm phương tiện, thiết bị phục vụ công tác nuôi, dạy học sinh.

3. Điểm yếu

Chưa huy động triệt để các nguồn lực tự nguyện để xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch cụ thể nhằm huy động tốt hơn các nguồn lực tự nguyện phục vụ cho việc phát triển cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh hiện hành. Hằng năm, thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể của địa phương để huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho học sinh.

Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường chưa thực sự chủ động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Việc tổ chức cho học sinh tham quan các di tích văn hóa chưa thường xuyên.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Xác định hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm và là trách nhiệm chính thuộc về nhà trường, lãnh đạo nhà trường đã tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tiến tới đạt chuẩn tiêu chuẩn này một cách vững chắc. Nhà trường đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển sinh; tăng cường quản lý, thực hiện tốt nền nếp dạy và học; thực hiện có hiệu quả việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; tích cực triển khai thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh; tăng cường việc bồi dưỡng học sinh khá, giỏi; phụ đạo học sinh yếu kém... Bằng những biện pháp nêu trên, nên trong những năm học vừa kết quả hoạt động giáo dục và chất lượng giáo dục của nhà trường đạt được khá cao và ngày càng vững chắc hơn. Sau đây là phần đánh giá chi tiết các tiêu chí.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. [H4-1.7-04]; [1.7-06]

Giáo viên đã vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Giáo viên luôn hướng cho HS Phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. [5.1-03]

Nhà trường đã thực hiện tốt các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. [H10-5.1-02]

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình do Bộ quy định, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [1.7-06];

Nhà trường đã thực hiện tốt việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ngay từ năm lớp 6, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H4-1.7-07]

Mức 3:

Cuối mỗi năm học, bộ phận chuyên môn nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, báo cáo hiệu quả các hoạt động của giáo viên và học sinh, có hướng khắc phục hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. [H1-1.1-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch dạy học và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra. Thực hiện nghiêm túc thời gian năm học và kế hoạch giảng dạy các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thường xuyên quan tâm đến công tác rà soát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu

Việc triển khai thực hiện một số kế hoạch chuyên đề về hoạt động chuyên môn chưa kịp thời và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì thường xuyên rà soát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo hướng phát triển năng lực

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. [H5-1.8-04]; [H7-2.2-08]

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có năng khiếu về văn hóa và thể dục thể thao nhằm tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi nhà trường và tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém thông qua các tiết học buổi chiều. [H5-1.8-04];

Nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết. Liên đội động viên hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Hội đồng thi đua khen thưởng kịp thời khen thưởng cho những học sinh có năng khiếu; có thành tích xuất sắc trong học tập. [H11-5.2-03]

Mức 2:

Nhà trường đã giúp cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. [2.4-01]

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. [H11-5.2-01]; [5.2-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức khảo sát chất lượng đầu năm học có hiệu quả, hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu, kém có hiệu quả. Thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém.

3. Điểm yếu

Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém chưa đồng đều giữa các bộ môn học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém ngay từ đầu mỗi năm học và tổ chức triển khai có hiệu quả kế hoạch đã đề ra. Đồng thời động viên kịp thời những giáo viên và học sinh có thành tích cao trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại Công văn số 1103/SGDDĐT-GDTrH ngày 10/8/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai sử dụng Tài liệu dạy - học địa phương năm học 2017 – 2018 của Sở GD và Đào tạo Đắk Lắk các tài liệu địa phương của Sở Giáo dục - Đào tạo đối với các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc. **[H11-5.3-01]; [H11-5.3-02]**

Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định. **[H5-1.8-03];**

Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hàng năm nhìn chung chưa được quan tâm đúng mức Nhà trường đã thực hiện tốt việc lồng ghép chương trình giáo dục địa phương theo quy định của cấp trên vào nội dung bài dạy ở các bộ môn: Ngữ văn; Lịch sử; Địa lí; Âm nhạc. **[H5-1.8-03]**

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. **[H11-5.3-01]; [H11-5.3-02]; [H11-5.3-03]**

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đảm bảo các nội dung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk. Hàng năm nhà trường trang bị đầy đủ bộ tài liệu giáo dục địa phương cho giáo viên và học sinh, chất đảm bảo cơ sở vật để giảng dạy. Hàng tháng nhà trường đã thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương.

3. Điểm yếu

Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú. Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương; hàng năm, thực hiện tốt việc rà soát, cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục địa phương. Đồng thời khuyến khích, động viên giáo viên và học sinh sưu tầm, bổ sung các tài liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để góp phần nâng cao hiệu quả của bài học về giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường lên kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. **[H11-5.4-01]; [H11-5.4-04]**

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. **[H11-5.4-02]; [H11-5.4-03]; [5.1-03]; [4.2-03]**

Nhà trường đã phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. **[H11-5.4-01]**

Mức 2:

Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực. **[H11-5.4-02];**

Hàng năm, sau mỗi đợt tổ chức hoạt động trải nghiệm, nhà trường tổ rà soát đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. **[H11-5.4-02]**

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường tổ chức đăng ký lớp hướng nghiệp, thực hiện trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Học sinh tích cực, tự giác khi tham gia.

3. Điểm yếu

Một số học sinh còn bộc lộ nhiều điểm yếu trong giao tiếp, ứng xử, đặc biệt trong các buổi giao lưu, nhiều học sinh còn thiếu kỹ năng phân tích và trả lời câu hỏi, thiếu kỹ năng đặt câu hỏi, còn yếu về tư duy phản biện

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9, thực hiện việc trải nghiệm sáng tạo cho học sinh một cách thường xuyên hơn.

Tăng cường tuyên truyền cho học sinh và phụ huynh thấy tầm quan trọng của việc học hướng nghiệp, học tập cấp trung học phổ thông và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp sau khi các em học sinh sau khi tốt nghiệp cấp THCS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh thông qua lồng ghép trong các môn học trên lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động tập thể trong nhà trường. [H11-5.5-01]; [H11-5.5-02]; [H11-5.5-03]

Nhà trường giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua chuyên đề giáo dục kỹ năng sống; thông qua việc thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. [H1-1.1-06];

Thông qua quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; Đạo đức, lối sống của học sinh có từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. [H1-1.1-06]; [5.5-04]

Mức 2:

Nhà trường có quan tâm đến việc hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện kỹ năng sống. Hàng năm các giáo viên có biện pháp, định hướng cho học sinh tự đánh giá kết quả học tập của mình thông qua các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giáo dục hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. [H1-1.1-06]; [H11-5.5-05]

Đại đa số học có ý thức, ngoan, biết kính trọng thầy, cô giáo, người lớn tuổi, đoàn kết chan hòa với bạn bè. Có ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp; tự giác, chủ động trong học tập và tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Không có học sinh buộc thôi học có thời hạn và học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự. [H1-1.1-06]; [H11-5.5-05]

Mức 3:

Nhà trường xây dựng kế hoạch; động viên GV hướng dẫn HS tham gia cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp trường, huyện, tỉnh. Qua đó, bồi dưỡng và khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học nơi các em, tạo điều kiện cho các em vận dụng các kiến thức học được vào thực tiễn cuộc sống, bước đầu hình thành khả năng nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các thầy, cô giáo tâm huyết trong nhà trường. [H7-2.2-06]; [H7-2.2-07]; [H7-2.2-08]

2. Điểm mạnh

Đại đa số học có ý thức, ngoan, biết kính trọng thầy, cô giáo, ngư-ời lớn tuổi, đoàn kết chan hoà với bạn bè. Có ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp; tự giác, chủ động trong học tập và tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh chưa có ý thức tự giác trong rèn luyện đạo đức và chấp hành nội quy của nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, kỹ năng trải nghiệm và sáng tạo. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp để học sinh tham gia. Thường xuyên quán triệt cho học sinh về nhiệm vụ của học sinh và các hành vi học sinh không được làm. Đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh theo đúng Quy chế của Bộ Giáo dục quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn

lai: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tỷ lệ học sinh xếp loại từ trung bình trở lên hàng năm đạt 100%, tỷ lệ học sinh xếp loại khá, giỏi đạt trên 77%. **[2.4-01]**

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%. **[H11-5.6-01]**

Nhà trường đã định hướng và phân luồng cho học sinh phù hợp với thực tế. **[H1-1.1-06]**

Mức 2:

Tỷ lệ học sinh xếp loại từ trung bình trở lên hàng năm được giữ vững; tỷ lệ học sinh xếp loại khá, giỏi đạt khá cao. **[2.4-01]**

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp và lên lớp luôn đạt 100%. **H11-5.6-01]**

Mức 3:

Hàng năm, học sinh lên lớp đạt tỷ lệ 100%. Học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ học sinh giỏi luôn đạt trên 10%. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm giỏi khá luôn đạt trên 90% và không có học sinh xếp loại về hạnh kiểm trung bình. Không có học sinh bỏ học và lưu ban. Tỷ lệ học sinh tham gia và đạt giải trong các hội thi, kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh hàng năm đạt khá cao. **[2.4-01]**

Hàng năm nhà trường không có học sinh bỏ học và lưu ban. **[2.4-01]**

2. Điểm mạnh

Hàng năm, học sinh lên lớp đạt tỷ lệ 100%. Học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Không có học sinh bỏ học và lưu ban. Tỷ lệ học sinh tham gia và đạt giải trong các hội thi, kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh hàng năm đạt khá cao.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh tham gia và đạt giải trong các hội thi, kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh hàng năm không đồng đều giữa các môn và chưa thật sự tương xứng với điều kiện, lợi thế của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về các hội thi, kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu mỗi năm học; làm tốt công tác phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi. Đồng thời động viên, khen thưởng kịp thời những giáo viên và học sinh có thành tích cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động giáo dục. Chất lượng giáo dục của nhà trường phát triển qua từng năm học: Tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng; tỷ lệ học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh khá mạnh, tỷ lệ học sinh thi đậu vào trường THPT DTNT Nơ Trang Long năm sau cao hơn năm trước, là một trong những trường dẫn đầu về số lượng học sinh trúng tuyển trong khối các trường PTDTNT cấp huyện trên địa bàn của tỉnh. Chất lượng, hiệu quả giáo dục hàng năm của nhà trường ngày càng bền vững và đã tạo được niềm tin cho chính quyền địa phương và phụ huynh học sinh.

Một số ít học sinh chưa có ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện; một số học sinh còn vi phạm nội quy, quy định của nhà trường. Tỉ lệ học sinh tham gia và đạt giải trong các hội thi, kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh hàng năm không đồng đều giữa các môn và chưa thật sự tương xứng với điều kiện, lợi thế của nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Đắk Lắk, Huyện ủy, UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo Cư M'gar cùng với sự phối hợp hỗ trợ của cha mẹ học sinh nhà trường; tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú Cư M'gar đã nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; xây dựng quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; nâng cao hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục. Cho đến thời điểm hiện nay, qua quá trình tự đánh giá nhà trường nhận thấy đã cơ bản đạt được các tiêu chí của 05 tiêu chuẩn theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối chiếu với các tiêu chí của 05 tiêu chuẩn, trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Cư M'gar tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: (26/28) (18/20) tiêu chí chiếm 92.9 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ MGAR tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Công